

Bản án số: 64/2017/HSPT

Ngày 11/7/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Nhung**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Hồng Căn** và ông **Bùi Văn Tuấn**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lan Hương** –
Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa :
Ông **Phùng Cao Thuyết** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án – Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 55/2017/HSPT ngày 18 tháng 5 năm 2017 đối vụ án N. V. T cùng các đồng phạm phạm các tội “Cướp tài sản; Cướp giật tài sản và Cưỡng đoạt tài sản”, do có kháng cáo của hai bị cáo N. V. T và N. V. HA đối với bản án hình sự sơ thẩm số : 59/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh.

LÝ LỊCH BỊ CÁO CÓ KHÁNG CÁO

1. Họ tên: **N. V. T**. Sinh ngày 22/04/1993. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu G M, phường C H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động hợp đồng công ty than Q H. Họ tên bố: Ng. V. T, sinh năm 1971. Họ tên mẹ: V. T. T, sinh năm 1970. Họ tên vợ: B. T. L, sinh năm 1993. Có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: chưa có. Bị cáo đầu thú ngày 29/10/2016, hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **N. V. HA**. Sinh ngày 10/07/1998. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu G M, phường C H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Sinh viên trường Cao đẳng nghề mỏ H C, thành phố C P, tỉnh Quảng Ninh. Họ tên bố: Ng. V. H, sinh năm 1957. Họ tên mẹ: Ng. T. A, sinh năm 1958. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 28/10/2016, hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo: V. V. H và những người bị hại là Đ. M. Đ, L. N. T, T. H. A, Ng. H. N. không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H L thì vụ án được tóm tắt như sau:

N. V. T, V. V. H và N. V. HA là bạn cùng quê ở thị xã Q Y. Do cần tiền ăn tiêu, nên T rủ H và HA đi chiếm đoạt tài sản. T và đồng phạm dùng thủ đoạn điều khiển xe mô tô, phát hiện những nam học sinh đang đi xe máy, đạp điện và xe đạp trên địa bàn thành phố H L, rồi chặn xe lại để chiếm đoạt tài sản. Từ ngày 23/10 đến ngày 27/10/2016, T cùng đồng bọn đã liên tiếp thực hiện 04 vụ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 23/10/2016, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Exciter, BKS14X1-122.63 của anh Ng. V. B điều khiển đi đến nhà H rủ đến thành phố H L để cướp tài sản, H đồng ý. Trên đường đi đến chợ Y T, thị xã Q Y, T dừng xe bảo H xuống mua 01 con dao nhọn loại gọt hoa quả dài khoảng 20cm. Khoảng 22 giờ cùng ngày, cả hai đi đến khu vực tổ 7, khu 4, phường H H, thành phố H L, phát hiện anh Ng. H. N, sinh năm 1999, đang đi xe đạp điện phía trước, T điều khiển xe đi theo sau. Khi đến đoạn đường vắng người, T vượt lên chặn đầu xe của anh N lại. H xuống xe dí dao vào sườn trái của anh N đe dọa yêu cầu đưa tài sản. Do sợ hãi anh N đã đưa cho H chiếc điện thoại Iphone 5S màu trắng số Imel: 351980068242567 và chiếc đồng hồ dây da màu đen, nhãn hiệu QB QIANBA No 02002G. Sau đó cả hai đi về thị xã Q Y, H cầm chiếc điện thoại còn Thanh lấy đồng hồ để sử dụng.

Cơ quan điều tra thu giữ: chiếc điện thoại Iphone 5S màu trắng số Imel: 351980068242567 do H giao nộp; chiếc đồng hồ dây da màu đen, nhãn hiệu QB QIANBA No 02002G, do anh Ng. V. B giao nộp với lý do: anh B nhặt được tại phòng trọ ở chung cùng với T ở xã D H, thành phố C P.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 27/10/2016, T gặp HA tại phường Q H, thành phố C P. Tại đây, T rủ HA thuê xe mô tô để đi cướp tài sản của những người đi trên đường ở thành phố H L, HA đồng ý. Sau đó hẹn gặp nhau ở thành phố H L. Khi đi HA mang theo 01 ba lô bên trong để 01 dao phớt dài 43 cm, nhằm mục đích đe dọa để cướp tài sản. Khi gặp nhau HA và T đi xe ôm đến khu vực khách sạn M T, thuộc phường B C, thành phố H L, HA thuê 01 xe mô tô BKS 14X1-066.13 của anh C V Đ với giá 150.000 đồng. Lúc này khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trên chở HA đi đến khu vực ngã tư L T, thành phố H L, thì phát hiện thấy anh T. H. A, sinh năm 1999, đang đi xe đạp hướng phường C X, T điều khiển xe đi theo sau. Khi đến đoạn đường tối, vắng người qua lại, T điều khiển xe vượt lên áp sát bên trái xe đạp của anh A, để HA dùng tay giật chiếc điện thoại trong túi áo anh A, rồi cả hai bỏ đi. Sau đó, cả hai tháo sim điện thoại vứt đi và mang chiếc điện thoại bán cho anh Ng. T. A ở cửa hàng điện thoại L. D, tại khu vực K L được 600.000 đồng. HA giữ số tiền này.

Cơ quan điều tra thu giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY EPERIA Z1 màu đen số IMEI 3580940566933071 do anh N. T. A giao nộp.

Vụ thứ ba: Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/10/2016, T điều khiển xe mô tô thuê chở HA đi đến khu vực đường bao biển, L B thuộc phường B Đ, thành phố H L. Tại đây, T phát hiện anh Đ. M. Đ, sinh năm 2000, đang điều khiển xe máy điện chở bạn đi ngược chiều, nên cho xe quay ngược lại và chặn

đầu xe của anh Đ. HA xuống xe nói “Mày có tiền không cho tao 20.000”, anh Đ nói không có. HA nói tiếp “Có điện thoại thì đưa đây”. Anh Đ nhìn thấy cán dao trong ba lô HA để trước ngực, do lo sợ nên anh Đ lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen, có số IMEI: 301014144410633 đưa cho HA. HA cất chiếc điện thoại vào ba lô, rồi cả hai bỏ đi.

Vụ thứ tư: Tiếp đó, khoảng 21 giờ 50 phút ngày 27/10/2016, T tiếp tục điều khiển xe mô tô thuê chở HA đi đến phố Hàng than thuộc tổ 15, khu 1, phường H G, thành phố H L, phát hiện thấy anh P. L. N. T, sinh năm 1999, đang đi xe đạp điện phía trước cùng chiều. T điều khiển xe vượt lên chặn đầu xe lại, T nói “Cho anh xin hai chục”, anh T không nói gì, T nói tiếp “Cho anh cái máy”. Thấy anh T không nói gì, HA xuống xe, lấy dao ra giơ lên về phía anh T. Anh T sợ hô hoán “Cướp”. Lúc này mọi người chạy ra, nên HA và T vút xe mô tô lại, rồi bỏ chạy, trên đường chạy HA đã vút ba lô vào bụi cây. Sau đó, HA bị mọi người bắt giữ còn T chạy thoát.

Cơ quan điều tra thu giữ tại hiện trường 01 xe mô tô nhãn hiệu Bella Sapphire màu sơn đỏ BKS 14X1-066.13 và thu trên người HA 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng có gắn số sim: 01648079133 và số tiền 600.000 đồng.

Kết quả truy tìm vật chứng tại khu vực đường dẫn lên cầu B C thu giữ: 01 chiếc ba lô bên trong có chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu MASSTEL số IMEI: 301014144410633, 01 con dao bằng kim loại dài 43cm; 01 chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng và ảnh thẻ cùng một số giấy tờ phô tô mang tên HA.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 123/KLĐG ngày 16/11/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H L, kết luận: chiếc điện thoại Iphone 5S màu trắng có trị giá 5.592.000 đồng; chiếc đồng hồ dây da màu đen, nhãn hiệu QB QIANBA No 02002G có trị giá 375.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY màu đen có trị giá 2.415.000 đồng; chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu MASSTE có trị giá 222.180 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho các anh Ng. H. N, T. H. A và Đ. M. Đ.

Tại Cơ quan điều tra, T, H và HA đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, T và HA còn khai: ngoài các vụ cướp ở thành phố H L, T và HA còn thực hiện một số vụ cướp giật tài sản ở thành phố U B. Riêng HA khai: Nguồn gốc con dao phớ dài 43cm là của HA nhặt được từ lâu, mục đích để phòng thân; Chiếc điện thoại di động màu trắng có gắn số sim: 01648079133 là của HA và số tiền 600.000 đồng là tiền bán điện thoại của anh A. Còn H khai: Trên đường đi từ thành phố H L về thị xã Q Y, H tháo sim của chiếc điện thoại cướp được và con dao vút đi, nhưng không nhớ địa điểm cụ thể ở đâu, nên không thu hồi được.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H L đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **N. V. T** và **N. V. HA** phạm các tội “*Cướp tài sản*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 135; điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt : N. V. T. 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội là 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/10/2016.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 135; điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt : N. V. HA: 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội là 11 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/10/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với bị cáo N. V. H và xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/4/2017 bị cáo N. V. T kháng cáo và ngày 20/4/2017 bị cáo N. V. HA kháng cáo cùng với nội dung cho rằng án sơ thẩm xét xử quá nặng đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo T và HA vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo T và HA, giữ nguyên án sơ thẩm đã tuyên

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa , trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của hai bị cáo thấy:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của hai bị cáo T và HA làm trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét yêu cầu kháng cáo theo qui định của pháp luật về trình tự xét xử lại vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Các gia đoạn khởi tố, điều tra vụ án và xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện trong hồ sơ vụ án đều đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng hình sự.

Về nội dung xét kháng cáo : Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo N. V.T và N. V. HA đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử được nêu tại phần nhận thấy ở trên. Lời khai của hai bị cáo T và bị cáo HA đều có sự phù hợp với các lời khai của bị cáo V. V. H trong cùng vụ án và còn phù hợp với các lời khai của những người bị hại và các nhân chứng đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai; cùng với các chứng cứ tài

liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đó là các căn cứ qui kết các bị cáo đã thực hiện hành vi như sau :

Chiều ngày 23/10/2016, T mượn xe máy đến nhà H rủ đến thành phố H L để cướp tài sản, H đồng ý. Trên đường đi đến chợ Y T, thị xã Q Y, T dừng xe bảo H xuống mua 01 con dao nhọn loại gọt hoa quả dài khoảng 20cm. Khoảng 22 giờ cùng ngày, cả hai đi đến khu vực tổ 7, khu 4, phường H H, thành phố H L, phát hiện anh Ng. H. N, sinh năm 1999, đang điều khiển xe trên đường, T và H chặn đầu xe của anh N lại. H xuống xe dí dao vào sườn trái của anh N đe dọa yêu cầu đưa tài sản. Do sợ hãi anh N đã đưa cho H chiếc điện thoại Iphone 5S màu trắng, trị giá 5.592.000đ.

Chiều ngày 27/10/2016, T rủ HA thuê xe mô tô để đi cướp tài sản. Khi đi HA mang theo 01 ba lô bên trong để 01 dao phớt dài 43 cm. HA và T đi xe ôm đến khu vực khách sạn M T, thuộc phường B C, thành phố H L, HA thuê 01 xe mô tô của anh C. V. Đ với giá 150.000 đồng. Lúc này khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trên chở HA đi đến khu vực ngã tư L T, thành phố H L, thì phát hiện thấy anh T. H. A, sinh năm 1999, đang đi xe đạp hướng phường C X, T điều khiển xe đi theo sau. Khi đến đoạn đường tối, vắng người qua lại, T điều khiển xe vượt lên áp sát bên trái xe đạp của anh A, để HA dùng tay giật chiếc điện thoại SONY trị giá 2.415.000đ trong túi áo anh A, rồi cả hai bỏ đi.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/10/2016, T điều khiển xe mô tô thuê chở HA đi đến khu vực đường bao biển, L B thuộc phường B Đ, thành phố H L. T phát hiện anh Đ. M. Đ, sinh năm 2000, đang điều khiển xe máy điện chở bạn đi ngược chiều, nên cho xe quay ngược lại và chặn đầu xe của anh Đ. HA xuống xe nói “Mày có tiền không cho tao 20.000”, anh Đ nói không có. HA nói tiếp “Có điện thoại thì đưa đây”. Anh Đ nhìn thấy cán dao trong ba lô HA để trước ngực, do lo sợ nên anh Đ lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen, trị giá 222.000đ đưa cho HA. HA cất chiếc điện thoại vào ba lô, rồi cả hai bỏ đi.

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 27/10/2016, T chở HA đi đến phố Hàng than thuộc tổ 15, khu 1, phường H G, thành phố H L, phát hiện thấy anh P. L. N. T, sinh năm 1999, đang đi xe đạp điện phía trước cùng chiều. T điều khiển xe vượt lên chặn đầu xe lại, T nói “Cho anh xin hai chục”, anh T không nói gì, T nói tiếp “Cho anh cái máy”. Thấy anh T không nói gì, HA xuống xe, lấy dao ra giơ lên về phía anh T. Anh T sợ hãi hoảng “Cướp”. Lúc này mọi người chạy ra, nên HA và T vứt xe mô tô lại, rồi bỏ chạy.

Như vậy có thể khẳng định: Hành vi của N. V. T và N. V. HA như đã được qui kết ở trên, án sơ thẩm đã xét xử hai bị cáo phạm các tội “*Cướp tài sản*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Cướp giật tài sản*”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 135 và điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự là đã đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo hành vi phạm tội của hai bị cáo N. V. T, N. V. H đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; hai bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức pháp luật đầy đủ, nhưng do ý thức bất chấp pháp luật, chỉ trong một thời gian ngắn đã sử dụng mô tô và hung khí nguy hiểm, dùng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực,

dùng thủ đoạn nguy hiểm chặn xe của những người đang tham gia giao thông để chiếm đoạt tài sản. Hai bị cáo cùng với đồng phạm đã thực hiện 04 vụ chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 8.604.180 đồng, trong đó ba vụ đã hoàn thành trót lọt, vì thế phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh là lẽ đương nhiên. Vì thế, án sơ thẩm đã phạt T với vai trò đầu vụ, với mức phạt chung cho cả ba tội là 12 năm tù ; bị cáo HA với mức phạt chung cho cả ba tội là 11 năm 06 tháng tù là đã tương xứng với hành vi phạm tội mà hai bị cáo đã gây ra; Mức phạt nêu trên mà án sơ thẩm đã tuyên thấy đã vận dụng và xem xét đến tất cả các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo pháp luật phải áp dụng đối với các bị cáo trong khi lượng hình; Mức phạt đối với hai bị cáo là đã đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Giai đoạn kháng cáo và lời trì hoãn của hai bị cáo N. V. T và N. V. H xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa được ra chứng cứ mới để có thể xem xét, vì thế không thể đáp ứng yêu cầu kháng cáo của cả hai bị cáo được, vì thế cần giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, vì đã có hiệu lực pháp luật. Do hai bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Với những lẽ nêu trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N. V. T và N. V. H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H L đã quyết tuyên:

Tuyên bố: bị cáo **N. V. T** và **N. V. HA** phạm các tội “*Cướp tài sản*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Cướp giết tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 135; điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt : **N. V. T** 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”; 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội là **12 (Mười hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/10/2016.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 135; điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt : **N. V. HA:** 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 03 năm tù về tội “Cướp giết tài sản”; 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội là **11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/10/2016.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo , kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật không xem xét, giải quyết trong bản án này.

Buộc N. V. T và N. V. H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo kháng cáo;
- Công an; Tòa án TP. H L
- VKS Tp. H L; VKS tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Nhường